

Số: **10** /2013/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày **08** tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá, phí đấu giá, chi phí dịch vụ đấu giá tài sản và quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 202.1
	Ngày: 13/3

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương

tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 139/2011/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 12/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xử lý tang vật vi phạm hành chính là hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng và quản lý số tiền thu được từ xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 215/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Thực hiện Công văn số 1040/HĐND-CTHĐ ngày 14/12/2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu Phí tham gia đấu giá tài sản, Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, Phí đấu giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và Công văn số 181/HĐND-CTHĐ ngày 20/02/2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh quy định mức thu Phí tham gia đấu giá tài sản, Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất, Phí đấu giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu, chế độ thu, quản lý, sử dụng phí tham gia đấu giá, phí đấu giá, chi phí dịch vụ đấu giá tài sản và quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2.

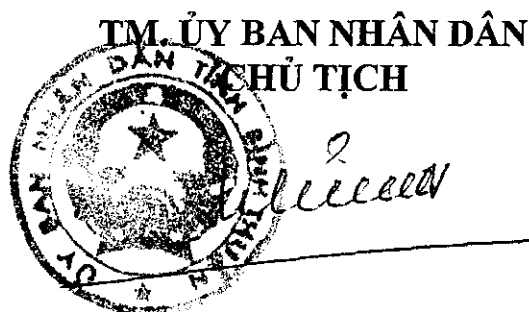
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 71/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chế độ thu, quản lý và sử dụng Phí đấu giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh Truyền hình;
- TTCB-TTĐT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, NCPC, ĐTQH, TH, Nghiễm Vi



Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

Mức thu, chế độ thu, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá, phí đấu giá, chi phí dịch vụ đấu giá tài sản và quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10.000/2013/QĐ-UBND ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về:

1. Phí tham gia đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất (gọi tắt là phí tham gia đấu giá).
2. Phí đấu giá tài sản (trừ tài sản đấu giá là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị xử lý tịch thu; tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất và các trường hợp do Hội đồng bán đấu giá tài sản thực hiện).
3. Chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 2. Đối tượng nộp phí tham gia đấu giá, phí đấu giá và cơ quan thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

1. Đối tượng nộp phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản:
 - a) Tổ chức, cá nhân được phép tham gia đấu giá để mua tài sản bán đấu giá theo đúng quy định của pháp luật (gọi tắt là người tham gia đấu giá tài sản) có trách nhiệm nộp phí tham gia đấu giá.
 - b) Người có tài sản bán đấu giá có trách nhiệm nộp phí đấu giá cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá cấp huyện (gọi tắt là người bán đấu giá tài sản).
2. Cơ quan thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản: người bán đấu giá tài sản.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I

MỨC THU PHÍ THAM GIA ĐẤU GIÁ, PHÍ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Điều 3. Mức thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

1. Mức thu phí tham gia đấu giá theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Mức thu phí đấu giá tài sản:

a) Trong trường hợp đấu giá tài sản thành: theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

b) Trong trường hợp đấu giá tài sản không thành: thanh toán theo hướng dẫn tại điểm b Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản (gọi tắt là Thông tư 03/2012/TT-BTC).

Điều 4. Thời điểm thu nộp phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

1. Người tham gia đấu giá phải nộp phí tham gia đấu giá theo mức thu đã quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá.

2. Người có tài sản bán đấu giá thanh toán phí đấu giá tài sản cho người bán đấu giá tài sản khi đã được thanh toán tiền bán tài sản.

Điều 5. Chứng từ thu phí

Biên lai thu phí do cơ quan thuế thống nhất phát hành. Cơ quan thu phí phải lập và giao biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 6. Quản lý nguồn thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

1. Cơ quan thu phí tổ chức thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản theo mức thu đã quy định tại Điều 3 Quy định này, đồng thời thực hiện chế độ kế toán và quyết toán số tiền thu phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

2. Cơ quan thu phí mở tài khoản “Tạm giữ tiền phí” tại Kho bạc Nhà nước ở địa phương nơi thu để theo dõi, quản lý tiền phí. Định kỳ hàng ngày hoặc hàng tuần (tùy theo số tiền phí thu được nhiều hay ít, nơi thu phí xa hay gần Kho bạc nhà nước), đơn vị thu phí phải nộp toàn bộ số tiền đã thu được trong kỳ vào tài khoản “Tạm giữ tiền phí” (nếu số tiền phí thu được vào các ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ thì phải nộp vào ngày làm việc đầu tiên của tuần kế tiếp) và phải theo dõi, hạch toán khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành.

3. Hàng năm, cơ quan thu phí phải lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp và Kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản “Tạm giữ tiền phí” để kiểm soát chi theo quy định hiện hành của nhà nước. Cơ quan thu phí phải quyết toán số thu, chi hàng năm theo thực tế.

Điều 7. Sử dụng nguồn thu phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

1. Sử dụng phí tham gia đấu giá: Phí tham gia đấu giá là khoản thu nhằm bù đắp chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản và thu phí, số tiền thu phí được sử dụng như sau:

a) Phí tham gia đấu giá tài sản là tài sản nhà nước (trừ tài sản đấu giá là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị xử lý tịch thu, là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất):

- Người bán đấu giá là Hội đồng bán đấu giá: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 về Quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản (gọi tắt là Thông tư 137/2010/TT-BTC) và Khoản 1 Điều 3 Thông tư 03/2012/TT-BTC.

- Người bán đấu giá là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá: được để lại 100% trên tổng số thu phí để trang trải cho việc tổ chức bán đấu giá, thu phí và chi hoạt động.

b) Phí tham gia đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị xử lý tịch thu:

- Người bán đấu giá là Hội đồng bán đấu giá: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư 137/2010/TT-BTC, tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư 03/2012/TT-BTC và tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 215/2012/TT-BTC ngày 10/12/2012 hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính (gọi tắt là Thông tư 215/2012/TT-BTC).

- Người bán đấu giá là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá: được để lại 100% trên tổng số thu phí để trang trải cho việc tổ chức bán đấu giá, thu phí và chi hoạt động.

c) Phí tham gia đấu giá tài sản là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất (gọi tắt là Thông tư 48/2012/TT-BTC).

2. Sử dụng phí đấu giá tài sản: Phí đấu giá tài sản là khoản thu nhằm bù đắp chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá tài sản và thu phí, số tiền thu phí được sử dụng như sau:

a) Người bán đấu giá là Hội đồng bán đấu giá: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 và Khoản 1 Điều 3 Thông tư 03/2012/TT-BTC.

b) Người bán đấu giá là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá: được để lại 100% trên tổng số thu phí để trang trải cho việc tổ chức bán đấu giá, thu phí và chi hoạt động.

Điều 8. Công khai, đăng ký, kê khai, quyết toán phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản

Cơ quan thu phí thực hiện việc công khai và trả lời chất vấn về chế độ thu phí; đăng ký, kê khai, quyết toán phí tham gia đấu giá, phí đấu giá tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

Mục II

CHI PHÍ DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỂ GIAO ĐẤT CÓ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT HOẶC CHO THUÊ ĐẤT

Điều 9. Mức thanh toán chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất

1. Chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất là khoản chi phí thanh toán cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp.

2. Mức thanh toán chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Điều 13 Thông tư 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012.

Điều 10. Chứng từ thu, thời gian thu chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất

1. Chứng từ thu, chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất: thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

2. Thời gian thu, chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất: Người có tài sản bán đấu giá thanh toán chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất cho người bán đấu giá tài sản khi đã được thanh toán tiền bán tài sản.

Điều 11. Quản lý, sử dụng nguồn thu, chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất

1. Nội dung chi, mức chi:

a) Người bán đấu giá tài sản là Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm b Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 48/2012/TT-BTC.

b) Người bán đấu giá tài sản là Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại điểm a Khoản 2 Điều 11 và Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 48/2012/TT-BTC.

2. Việc sử dụng, hạch toán khoản chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước

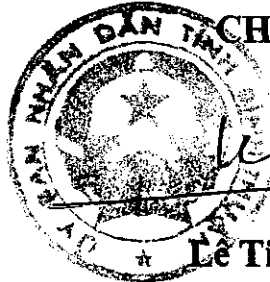
1. Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh triển khai thực hiện các quy định tại Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện tốt Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quy định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Lê Tiến Phương

72

Phụ lục 1

Mức thu Phí tham gia đấu giá tài sản, Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 28/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)



Stt	Giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Phí tham gia đấu giá tài sản (trừ tài sản đấu giá là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị xử lý tịch thu, là quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất) trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000
II	Phí tham gia đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị xử lý tịch thu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	
1	Từ 20 triệu đồng trở xuống	50.000
2	Từ trên 20 triệu đồng đến 50 triệu đồng	100.000
3	Từ trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng	150.000
4	Từ trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
5	Trên 500 triệu đồng	500.000
III	Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	
III.1	Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân:	
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	500.000
III.2	Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân	
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 2 ha	3.000.000
3	Từ trên 2 ha đến 5 ha	4.000.000
4	Từ trên 5 ha	5.000.000

Phụ lục 2

Mức thu Phí đấu giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 10../2013/QĐ-UBND ngày 28/3/2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

Stt	Giá trị tài sản bán được	Mức thu (đồng)
1	Dưới 50 triệu đồng	5% giá trị tài sản bán được
2	Từ 50 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	2,5 triệu đồng + 1,5% giá trị tài sản bán được quá 50 triệu đồng
3	Từ trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	16,75 triệu đồng+ 0,2% giá trị tài sản bán được vượt 1 tỷ đồng
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng	34,75 triệu đồng+ 0,15% giá trị tài sản bán được vượt 10 tỷ đồng
5	Từ trên 20 tỷ đồng	49,75 triệu đồng+ 0,1% giá trị tài sản bán được vượt 20 tỷ đồng. Tổng số phí không quá 300 triệu/cuộc đấu giá